

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1190/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế
trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 129/TTr-SGDĐT ngày 15 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 1578/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế danh mục và nội dung 03 thủ tục hành chính có số thứ tự 9, 11, 12 tại tiểu mục I, mục A, phần II, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 05 tháng 06 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, được thay thế, bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Đình Quang

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số: 1190/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (01 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01 TTHC)							
1	Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	07 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Cơ sở giáo dục.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15; - Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp.	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính, mã TTHC được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)								
1	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.002889)	Đổi tên trường trung cấp, trường trung học nghề	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Cơ sở giáo dục.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	

2	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp (2.002887)	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Cơ sở giáo dục.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	
3	Giải thể phân hiệu của trường trung cấp (2.002888)	Giải thể phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Cơ sở giáo dục.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	

Tổng số TTHC được công bố:

04 TTHC

Trong đó:

- Số Số TTHC được công bố mới:

01 TTHC

Cấp tỉnh 01 TTHC

- Số TTHC được thay thế:

03 TTHC

Cấp tỉnh 03 TTHC

+ Qua dịch vụ bưu chính công ích

04 TTHC

+ Qua dịch vụ công trực tuyến một phần

04 TTHC